

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Minh Tùng

Bà Dương Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về vụ xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Trần Văn H vào cuối năm 2014, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2019, nguyên nhân là do anh Trần Văn H không chịu tu chí làm ăn, hay chơi cờ bạc, kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng chị đã nhờ anh em họ hàng nội ngoại khuyên bảo nhưng không được cải thiện. Do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ đi khỏi nhà anh Trần Văn H đi làm công nhân ở Bắc Ninh từ đầu năm 2019 đến nay, từ khi chị bỏ đi anh H và chị không ai còn quan tâm gì đến nhau, những lúc được nghỉ chị chỉ về thăm con rồi về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn K, xã V, huyện B ở. Hiện nay, chị Trần Thị L không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Văn H nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Thu H1, sinh ngày 29/9/2014. Hiện nay cháu đang ở với anh Trần Văn H tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Trần Văn H, bà Đường Thị T là mẹ đẻ của anh Trần Văn H cư trú tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Trần Văn H vẫn cư trú tại thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Trần Văn H bà đều thông báo cho anh H và anh H có biết việc chị L hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Trần Văn H không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn H không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, chị Linh có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Trần Thị L đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các

Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Giao cháu Trần Thu H1, sinh ngày 29/9/2014 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa lần hai các đương sự vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/10/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần Văn H không tu chí làm ăn, điều kiện kinh tế khó khăn nên thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn H thấy rằng: Anh Trần Văn H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Thị L yêu cầu ly hôn

với anh Trần Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Thu H1, sinh ngày 29/9/2014 vì hiện nay cháu đang ở với anh H và bố mẹ anh H. Khi ly hôn chị L yêu cầu anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Còn anh Trần Văn H quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L về con chung là có căn cứ nên cần chấp nhận, giao con chung cháu Trần Thu H1, sinh ngày 29/9/2014 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Trần Thu H1, ghi nhận việc chị Linh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2022), chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn H vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002650 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Trần Thị L phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Thu H1, sinh ngày 29/9/2014 cho anh Trần Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận việc chị Trần Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng (Bảy trăm nghìn đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2022), chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002650 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Trần Thị L phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L, bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện B,
tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc